

Số: 19/2022/NQ-HĐND

Bắc Giang, ngày 12 tháng 7 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Quy định chế độ, chính sách và hỗ trợ đối với huấn luyện viên,
vận động viên, học sinh năng khiếu thể thao tỉnh Bắc Giang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG
KHÓA XIX, KỲ HỌP THỨ 7**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 14 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Thể dục, thể thao ngày 29 tháng 11 năm 2006; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Nghị định 152/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 200/2011/TTLT-BTC-BVHTTDL ngày 30 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính - Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao;

Căn cứ Thông tư số 86/2020/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định nội dung và mức chi để thực hiện chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao;

Xét Tờ trình số 402/TTr-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức chi thực hiện chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao; huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển năng khiếu thể thao cấp tỉnh, đội tuyển thể thao huyện, thành phố; hỗ trợ chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên năng khiếu thể thao tuyển cơ sở, học sinh

năng khiếu thể thao; chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên khuyết tật; thuê huấn luyện viên; hỗ trợ vận động viên được triệu tập vào đội tuyển Quốc gia, đội tuyển trẻ Quốc gia; chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao, trang thiết bị tập luyện thường xuyên đối với huấn luyện viên, vận động viên, học sinh năng khiếu thể thao tỉnh Bắc Giang.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Huấn luyện viên, vận động viên tập trung, tập huấn và thi đấu quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 86/2020/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên thể thao thành tích cao, vận động viên thể thao thành tích cao; huấn luyện viên, vận động viên khi được cấp có thẩm quyền triệu tập, tập huấn và thi đấu.

2. Huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển năng khiếu thể thao cấp tỉnh, đội tuyển thể thao huyện, thành phố; huấn luyện viên năng khiếu thể thao tuyển cơ sở, học sinh năng khiếu thể thao; vận động viên được triệu tập vào đội tuyển Quốc gia, đội tuyển trẻ Quốc gia; huấn luyện viên, vận động viên khuyết tật.

3. Những người tham gia làm nhiệm vụ tại các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh Bắc Giang được quy định tại Điều 2, khoản 7 Điều 3 Thông tư liên tịch số 200/2011/TTLT-BTC-BVHTTDL ngày 30 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính - Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao.

Điều 3. Nội dung, mức chi, nguồn kinh phí thực hiện

1. Nội dung, mức chi thực hiện chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên:

a) Trong thời gian tập trung tập luyện, huấn luyện trong nước:

Đơn vị tính: đồng/người/ngày.

Stt	Huấn luyện viên, vận động viên	Mức chi
1	Đội tuyển tỉnh	240.000
2	Đội tuyển trẻ của tỉnh	200.000
3	Đội tuyển năng khiếu	150.000
4	Đội tuyển huyện, thành phố	140.000

b) Trong thời gian tập trung thi đấu:

Đơn vị tính: đồng/người/ngày.

Stt	Huấn luyện viên, vận động viên	Mức chi
1	Đội tuyển tỉnh	320.000
2	Đội tuyển trẻ của tỉnh	240.000
3	Đội tuyển năng khiếu	240.000
4	Đội tuyển huyện, thành phố	230.000

c) Đối với các huấn luyện viên, vận động viên khuyết tật khi được cấp có thẩm quyền triệu tập tập luyện, huấn luyện và thi đấu: Áp dụng theo mức chi như đối với huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển tỉnh.

2. Nội dung, mức chi thực hiện chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, học sinh năng khiếu thể thao:

Đơn vị tính: đồng/người/ngày.

Stt	Đối tượng	Mức chi
1	Huấn luyện viên năng khiếu thể thao tuyển cơ sở	130.000
2	Học sinh năng khiếu thể thao tuyển cơ sở	100.000

3. Thuê huấn luyện viên; hỗ trợ vận động viên được triệu tập vào đội tuyển Quốc gia, đội tuyển trẻ Quốc gia:

Stt	Đối tượng	Chế độ/tháng
1	Thuê huấn luyện viên thể thao	<i>tính theo mức lương cơ sở</i>
-	Huấn luyện viên hợp đồng dưới 10 năm	3,5 lần
-	Huấn luyện viên hợp đồng từ 10 năm đến dưới 20 năm	4,5 lần
-	Huấn luyện viên hợp đồng từ 20 năm trở lên	5,5 lần
2	Hỗ trợ vận động viên được triệu tập vào đội tuyển Quốc gia, đội tuyển trẻ Quốc gia	<i>đồng/người/tháng</i>
-	Vận động viên được triệu tập vào đội tuyển Quốc gia	5.000.000
-	Vận động viên được triệu tập vào đội tuyển trẻ Quốc gia	3.000.000

4. Chế độ chi tiêu tài chính cho các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh:

a) Tiền ăn: Thành viên Ban Chỉ đạo, Ban Tổ chức và các tiểu ban đại hội thể dục thể thao, hội thi thể thao, Hội khỏe Phù Đổng; thành viên Ban Tổ chức và các tiểu ban chuyên môn từng giải thi đấu; trọng tài, giám sát điều hành, thư ký các giải thi đấu: Mức chi tối đa không quá 180.000 đồng/người/ngày.

b) Bồi dưỡng làm nhiệm vụ tại các giải cấp tỉnh:

Stt	Chức danh chuyên môn	Mức chi
1	Ban Chỉ đạo, Ban Tổ chức; trưởng, phó các tiểu ban chuyên môn	95.000 đồng/người/ngày
2	Thành viên các tiểu ban chuyên môn	75.000 đồng/người/ngày
3	Lực lượng làm nhiệm vụ: Trật tự, bảo vệ, công an, y tế, nhân viên phục vụ...	50.000 đồng/người/buổi
4	Trọng tài chính, giám sát	70.000 đồng/người/buổi (hoặc trận)

5	Thư ký, trọng tài khác	60.000 đồng/người/buổi (hoặc trận)
---	------------------------	---------------------------------------

c) Bồi dưỡng làm nhiệm vụ tại các giải cấp huyện:

Stt	Chức danh chuyên môn	Mức chi
1	Ban Chỉ đạo, Ban Tổ chức, trưởng, phó các tiểu ban chuyên môn	75.000 đồng/người/ngày
2	Thành viên các tiểu ban chuyên môn	65.000 đồng/người/ngày
3	Lực lượng làm nhiệm vụ: Trật tự, bảo vệ, công an, y tế, nhân viên phục vụ	40.000 đồng/người/buổi
4	Trọng tài chính, giám sát	70.000 đồng/người/buổi (hoặc trận)
5	Thư ký, trọng tài khác	60.000 đồng/người/buổi (hoặc trận)

Tiền bồi dưỡng làm nhiệm vụ được tính theo ngày làm việc thực tế, hoặc theo buổi thi đấu, trận đấu thực tế. Đối với các đối tượng mà tiền bồi dưỡng không tính được theo ngày làm việc mà tính theo buổi thi đấu, trận đấu thì mức thanh toán tiền bồi dưỡng được tính theo thực tế, nhưng tối đa không vượt quá 03 buổi hoặc 03 trận đấu/người/ngày.

d) Mức chi tổ chức đồng diễn, diễu hành, xếp hình, xếp chữ đối với đại hội thể dục thể thao, hội thi thể thao cấp tỉnh: Thực hiện mức chi tối đa theo điểm c khoản 1 Điều 4 Thông tư liên tịch số 200/2011/TTLT-BTC-BVHTTDL.

5. Chế độ, trang thiết bị tập luyện và chính sách xã hội:

a) Chế độ trang thiết bị tập luyện hàng năm đối với:

Vận động viên, học sinh năng khiếu thể thao tỉnh Bắc Giang (*Theo Phụ lục 01 ban hành kèm theo Nghị quyết này*).

Vận động viên đội tuyển trẻ, đội tuyển tỉnh (*Theo Phụ lục 02 ban hành kèm theo Nghị quyết này*).

b) Trang thiết bị trong thời gian tập huấn từ một tháng trở lên; trong thời gian tham gia đại hội thể dục thể thao, hội thi thể thao toàn quốc (*Theo Phụ lục 03 ban hành kèm theo Nghị quyết này*).

c) Trang thiết bị thi đấu đối với các đội tuyển thể thao của tỉnh (*Theo Phụ lục 04 ban hành kèm theo Nghị quyết này*).

d) Trang thiết bị huấn luyện hàng năm đối với huấn luyện viên năng khiếu thể thao tuyển cơ sở, huấn luyện viên các đội tuyển thể thao của tỉnh (*Theo Phụ lục 05 ban hành kèm theo Nghị quyết này*).

đ) Chế độ chính sách xã hội đối với huấn luyện viên, vận động viên: Áp dụng theo Điều 3, Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7 Nghị định 152/2018/NĐ-CP

ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu.

6. Nguồn kinh phí: Ngân sách nhà nước cấp kinh phí thực hiện; nhiệm vụ thuộc cấp nào do ngân sách cấp đó đảm bảo.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 18/2019/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi thực hiện chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao; hỗ trợ dinh dưỡng đối với học sinh năng khiếu thể thao; chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang Khóa XIX, Kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 12 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2022.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Bắc Giang;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Các cơ quan, sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh Khóa XIX;
- Thường trực: Huyện ủy, HĐND; UBND các huyện, thành phố;
- Các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Trung tâm thông tin, Văn phòng UBND tỉnh;
- Lãnh đạo, chuyên viên Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND.

CHỦ TỊCH

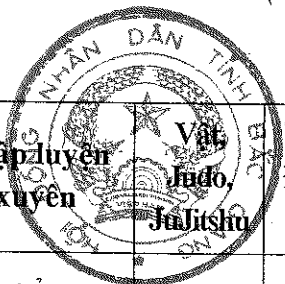


Lê Thị Thu Hồng

Phụ lục 01

**CHẾ ĐỘ TRANG THIẾT BỊ TẬP LUYỆN HÀNG NĂM
ĐỐI VỚI VẬN ĐỘNG VIÊN, HỌC SINH NĂNG KHIẾU THỂ THAO**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 19/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh)



Trang bị tập luyện thường xuyên	Vật Judo, Jujitsu	Đá cầu	Cầu mây	Cầu lông	Các môn võ, Boxing	Điền kinh	B.chuyên B. ném	Cờ vua, Cờ tướng	Bóng đá	Bóng bàn	Bơi lội	Cử tạ	Quần vợt
Quần áo dài thể thao	01 bộ	01 bộ	01 bộ	01 bộ	01 bộ	01 bộ	01 bộ	01 bộ	01 bộ	01 bộ	01 bộ	01 bộ	01 bộ
Quần áo ngắn thể thao	04 bộ	04 bộ	04 bộ	04 bộ	03 bộ	04 bộ	04 bộ	04 bộ	04 bộ	04 bộ	04 bộ	04 bộ	04 bộ
Giày tập thể lực + tất	03 đôi giày, 05 đôi tất	03 đôi giày, 05 đôi tất	03 đôi giày, 05 đôi tất	03 đôi giày, 05 đôi tất	03 đôi giày, 05 đôi tất	04 đôi giày, 06 đôi tất	04 đôi giày, 06 đôi tất	03 đôi giày, 05 đôi tất	04 đôi giày, 06 đôi tất	03 đôi giày, 05 đôi tất	03 đôi giày, 05 đôi tất	03 đôi giày, 05 đôi tất	03 đôi giày, 05 đôi tất
Dây nhảy	02 cái	02 cái	02 cái	02 cái	02 cái	02 cái	02 cái	02 cái	02 cái	02 cái	02 cái	02 cái	02 cái
Bao gối, bó gót	02 đôi	02 đôi	02 đôi	02 đôi	02 đôi	02 đôi	02 đôi		02 đôi	02 đôi		02 đôi	02 đôi
Ken cổ tay				02 đôi									02 đôi
Quần áo chuyên dùng	01 bộ	01 bộ	01 bộ	01 bộ	01 bộ	02 bộ	02 bộ		02 bộ	01 bộ	02 bộ	01 bộ	01 bộ
Giày chuyên dùng + tất	01 đôi giày, 02 đôi tất	02 đôi giày, 03 đôi tất	02 đôi giày, 03 đôi tất	02 đôi giày, 03 đôi tất	02 đôi giày, 03 đôi tất	02 đôi giày, 03 đôi tất	02 đôi giày, 03 đôi tất		02 đôi giày, 03 đôi tất	01 đôi giày, 02 đôi tất		01 đôi giày, 02 đôi tất	02 đôi giày, 02 đôi tất
Quả cầu, quả bóng		01 quả/người/ngày	05 quả	02 quả/người/ngày			05 quả		05 quả	10 quả/người/tháng			06 ống/người/tháng

(Handwritten signature)

Bộ binh khí, lưới, bàn cờ treo		04 lưới/ năm/ đội (lớp)	02 lưới/ năm/ đội (lớp)	04 lưới/ năm/ đội (lớp);	01 bộ B.khí/ năm/đội		02 bộ lưới/ đội/năm	01 bộ bàn cờ treo/lớp	02 bộ lưới/đội, lớp/năm	04 bộ lưới /đội/năm			01 lưới/ đội/năm
Vợt, cước, lưới, đỉnh giấy				01 vợt, 03 bộ cước		02 bộ đỉnh giấy				01 vợt 2mặt vợt			01 vợt, 03 bộ cước
Khăn, mũ, găng, kính, cucky, bảo vệ răng, hàm, bảo vệ ống quyển, đai bụng, khó, địch, dây kháng lực.	02 khó 02 dây kháng lực	02 dây kháng lực	02 khăn 01 kính 02 dây kháng lực		01 mũ, 02 đôi găng tay, 01 Cucky, 01 Bảo vệ răng, 01 đôi bảo vệ ống quyển 02 dây kháng lực		02 đôi găng thủ môn		02 đôi găng thủ môn, 02 đôi bảo vệ ống quyển		02 mũ 2 kính	01 đai bụng	02 mũ, 02 dây kháng lực

Ghi chú: Trang thiết bị quần áo dài, quần áo ngắn thể thao, giày tập thể lực, tất, dây nhảy, bó gót, bao gối, ken cổ tay, quần áo chuyên dùng, giày chuyên dùng, bàn quân cờ, vợt, cước, đỉnh giấy, khăn, mũ, găng, kính, cucky, bảo vệ răng, hàm, bảo vệ ống quyển, đai bụng, khó, địch, dây kháng lực đối với vận động viên, học sinh năng khiếu thể thao trong Phụ lục này được tính cho 01 người/năm. Các trang thiết bị khác như trong Phụ lục. Riêng môn Cờ vua, Cờ tướng hàng năm được trang bị tài liệu huấn luyện bao gồm: Sách, biên bản thi đấu, phần mềm thi đấu cờ...

Handwritten signature

Phụ lục 02

**CHẾ ĐỘ TRANG THIẾT BỊ TẬP LUYỆN HÀNG NĂM
ĐỐI VỚI VẬN ĐỘNG VIÊN ĐỘI TUYỂN TRẺ, ĐỘI TUYỂN TỈNH**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 19/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh)



Trang bị tập luyện thường xuyên	Vật Judo Jūjitsu	Đá cầu	Cầu mây	Cầu lông	Các môn võ, Boxing	Điền kinh	B.chuyên B. ném	Cờ vua, Cờ tướng	Bóng đá	Bóng bàn	Bơi lội	Cử tạ	Quần vợt
Quần áo dài thể thao	01 bộ	01 bộ	01 bộ	01 bộ	01 bộ	01 bộ	01 bộ	01 bộ	01 bộ	01 bộ	01 bộ	01 bộ	01 bộ
Quần áo ngắn thể thao	04 bộ	04 bộ	04 bộ	04 bộ	03 bộ	04 bộ	04 bộ	04 bộ	04 bộ	04 bộ	04 bộ	04 bộ	04 bộ
Giày tập thể lực + tất	02 đôi giày, 03 đôi tất	02 đôi giày, 03 đôi tất	02 đôi giày, 03 đôi tất	02 đôi giày, 03 đôi tất	02 đôi giày, 03 đôi tất	03 đôi giày, 05 đôi tất	03 đôi giày, 05 đôi tất	02 đôi giày, 03 đôi tất	03 đôi giày, 05 đôi tất	02 đôi giày, 03 đôi tất	02 đôi giày, 03 đôi tất	02 đôi giày, 03 đôi tất	02 đôi giày, 03 đôi tất
Dây nhảy	02 cái	02 cái	02 cái	02 cái	02 cái	02 cái	02 cái	02 cái	02 cái	02 cái	02 cái	02 cái	02 cái
Bao gối, bó gối	02 đôi	02 đôi	02 đôi	02 đôi	02 đôi	02 đôi	02 đôi		02 đôi	02 đôi		02 đôi	02 đôi
Ken cổ tay				02 đôi									02 đôi
Quần áo chuyên dùng	02 bộ	02 bộ	02 bộ	02 bộ	02 bộ	04 bộ	04 bộ		04 bộ	02 bộ	04 bộ	02 bộ	02 bộ
Giày chuyên dùng + tất	02 đôi giày, 04 đôi tất	03 đôi giày, 05 đôi tất	02 đôi giày, 04 đôi tất	03 đôi giày, 05 đôi tất	02 đôi giày, 04 đôi tất	03 đôi giày, 05 đôi tất	02 đôi giày, 04 đôi tất		02 đôi giày, 04 đôi tất	02 đôi giày, 04 đôi tất		02 đôi giày, 04 đôi tất	03 đôi giày, 05 đôi tất
Quả cầu, quả bóng		02 quả/người/ngày	05 quả/người/năm	03 quả/người/ngày			05 quả/người/năm		05 quả/người/năm	10 quả/người/tháng			09 ông/người/tháng

Handwritten signature

Vợt, cước, lưới, đinh giày		04 lưới/ năm/ đội (lớp)	02 lưới/ năm/ đội (lớp)	02 vợt, 06 bộ cước, 04 lưới/ năm/ đội (lớp);	01 bộ B.khí/ năm/đội	02 bộ đinh giày	02 bộ lưới/ đội/năm		02 bộ lưới/đội, lớp/năm	01 vợt 2 mặt vợt, 04 bộ lưới /đội/năm			02 vợt 06 bộ cước 1lưới/ đội/năm
Khăn, mũ, găng, kính, cuky, bảo vệ răng, hàm, bảo vệ ống quyển, đai bụng, khó, địch, dây kháng lực.	02 khô, 02 dây kháng lực	02 dây kháng lực	02 khăn, 01 kính, 02 dây kháng lực		01 mũ, 02 đôi găng tay, 01 Cuky, 01 Bảo vệ răng, 01 đôi Bảo vệ ống quyển; 02 dây kháng lực		02 đôi găng thủ môn		02 đôi găng thủ môn, 02 đôi bảo vệ ống quyển		02 mũ, 02 kính	01 đai bụng/	02 mũ, 02 dây kháng lực

Ghi chú: Trang thiết bị quần áo dài, quần áo ngắn thể thao, giày tập thể lực, tất, dây nhây, bó gót, bao gối, ken cổ tay, quần áo chuyên dùng, giày chuyên dùng, bàn quân cờ, vợt, cước, đinh giày, khăn, mũ, găng, kính, cuky, bảo vệ răng, hàm, bảo vệ ống quyển, đai bụng, khó, địch, dây kháng lực đối với vận động viên, học sinh năng khiếu thể thao trong Phụ lục này được tính cho 01 người/năm. Các trang thiết bị khác như trong Phụ lục. Riêng môn Cờ vua, Cờ tướng hàng năm được trang bị tài liệu huấn luyện bao gồm: Sách, biên bản thi đấu, phần mềm thi đấu cờ...

Phụ lục 03

TRANG THIẾT BỊ TRONG THỜI GIAN TẬP HUẤN TỪ MỘT THÁNG TRỞ LÊN, TRONG THỜI GIAN THAM GIA ĐẠI HỘI THỂ DỤC

THỂ THAO, HỘI THI THỂ THAO TOÀN QUỐC ĐỐI VỚI VẬN ĐỘNG VIÊN CÁC ĐỘI TUYỂN THỂ THAO CỦA TỈNH

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 19/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh)

Trang bị tập luyện thường xuyên	Vật, Judo, JuJitsu	Đá cầu	Cầu mây	Cầu lông	Các môn võ, Boxing	Điện kinh	Bóng chuyền/ Bóng ném	Cờ vua, Cờ tướng	Bóng đá	Bóng bàn	Bơi lội	Cử tạ	Quần vợt	Các môn không đào tạo tập chung thường xuyên
Quần áo dài thể thao (Sovec) tham gia Đại hội TDTT, Hội thi thể thao toàn quốc	01 bộ	01 bộ	01 bộ	01 bộ	01 bộ	01 bộ	01 bộ	01 bộ	01 bộ	01 bộ	01 bộ	01 bộ	01 bộ	01 bộ
Quần áo ngắn thể thao	01 bộ	01 bộ	01 bộ	01 bộ	01 bộ	01 bộ	02 bộ	01 bộ	02 bộ	02 bộ	02 bộ	02 bộ	01 bộ	02 bộ
Giày chuyên dùng + tất	01 đôi giày, 02 đôi tất	01 đôi giày, 02 đôi tất	01 đôi giày, 02 đôi tất	01 đôi giày, 02 đôi tất	01 đôi giày, 02 đôi tất	01 đôi giày, 02 đôi tất	01 đôi giày, 02 đôi tất		01 đôi giày, 02 đôi tất	01 đôi giày, 02 đôi tất		01 đôi giày, 02 đôi tất	01 đôi giày, 02 đôi tất	01 đôi giày, 02 đôi tất
Giày Thể lực + tất							02 đôi giày, 03 đôi tất		02 đôi giày, 03 đôi tất	02 đôi giày, 03 đôi tất		02 đôi giày, 03 đôi tất		02 đôi giày, 03 đôi tất


Ghi chú: Trang thiết bị trong thời gian thi đấu theo giải thi đấu; trang thiết bị trong thời gian tập huấn đối với vận động viên các đội tuyển thể thao của tỉnh trong Phụ lục này được tính cho 01 người/năm.

Phụ lục 04

TRANG THIẾT BỊ THI ĐẤU

ĐỐI VỚI CÁC ĐỘI TUYỂN THỂ THAO CỦA TỈNH

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 19/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh)



Trang bị tập luyện thường xuyên	Vật, Judo, JuJitsu	Đá cầu	Cầu mây	Cầu lông	Các môn võ, Boxing	Điền kinh	Bóng chuyền /Bóng ném	Cờ vua, Cờ tướng	Bóng đá	Bóng bàn	Bơi lội	Cử tạ	Quần vợt
Quần áo thi đấu	02 bộ	02 bộ	02 bộ	02 bộ	02 bộ	02 bộ	02 bộ	02 bộ	02 bộ	02 bộ	02 bộ	02 bộ	02 bộ
Giáp thi đấu các môn võ					01 đôi								

Ghi chú: Trang thiết bị trong thời gian thi đấu đối với các đội tuyển thể thao của tỉnh tại Phụ lục này được tính cho 01 người/năm.



Phụ lục 05

TRANG THIẾT BỊ HUẤN LUYỆN HÀNG NĂM

ĐỐI VỚI HUẤN LUYỆN VIÊN NĂNG KHIẾU THỂ THAO TUYỂN CƠ SỞ, HUẤN LUYỆN VIÊN CÁC ĐỘI TUYỂN THỂ THAO CỦA TỈNH

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 19/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh)



Trang bị tập luyện thường xuyên	Vật Judo Jujitsu	Đá cầu	Cầu mây	Cầu lông	Các môn võ, Boxing	Điền kinh	B.chuyên/ B. ném	Cờ vua, Cờ tướng	Bóng đá	Bóng bàn	Bơi lội	Cử tạ	Quần vợt
Quần áo dài thể thao (Sovec)	01 bộ	01 bộ	01 bộ	01 bộ	01 bộ	01 bộ	01 bộ	01 bộ	01 bộ	01 bộ	01 bộ	01 bộ	01 bộ
Quần áo ngắn thể thao	02 bộ	02 bộ	02 bộ	02 bộ	02 bộ	02 bộ	02 bộ	02 bộ	02 bộ	02 bộ	02 bộ	02 bộ	02 bộ
Giày chuyên dùng + tất	01 đôi giày, 02 đôi tất	01 đôi giày, 02 đôi tất	01 đôi giày, 02 đôi tất	01 đôi giày, 02 đôi tất	01 đôi giày, 02 đôi tất	01 đôi giày, 02 đôi tất	01 đôi giày, 02 đôi tất	01 đôi giày, 02 đôi tất	01 đôi giày, 02 đôi tất	01 đôi giày, 02 đôi tất	01 đôi giày, 02 đôi tất	01 đôi giày, 02 đôi tất	01 đôi giày, 02 đôi tất
Giày ba ta + tất	02 đôi giày, 03 đôi tất	02 đôi giày, 03 đôi tất	02 đôi giày, 03 đôi tất	02 đôi giày, 03 đôi tất	02 đôi giày, 03 đôi tất	02 đôi giày, 03 đôi tất	02 đôi giày, 03 đôi tất	02 đôi giày, 03 đôi tất	02 đôi giày, 03 đôi tất	02 đôi giày, 03 đôi tất	02 đôi giày, 03 đôi tất	02 đôi giày, 03 đôi tất	02 đôi giày, 03 đôi tất
Đồng hồ bấm giây, còi	01 chiếc	01 chiếc	01 chiếc	01 chiếc	01 chiếc	01 chiếc	01 chiếc	01 chiếc	01 chiếc	01 chiếc	01 chiếc	01 chiếc	01 chiếc
Vợt, cước				01 vợt, 03 bộ cước						01 vợt 03 bộ mặt vợt			01 vợt 03 bộ cước

Ghi chú: Trang thiết bị huấn luyện hàng năm đối với huấn luyện viên các đội tuyển thể thao của tỉnh tại Phụ lục này được tính cho 01 người/năm.